

Số: 53 /BC-UBND

Hung Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO
Về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở

Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Công văn số 199/BDN ngày 01/4/2013 của Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc báo cáo thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở.

UBND tỉnh Hưng Yên báo cáo việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; thôn, tổ dân phố, cụ thể như sau:

1. Đặc điểm tình hình:

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Hồng, được thành lập tháng 10 năm 1831 đến năm 1968 hợp nhất với tỉnh Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Tháng 01/1997 tỉnh Hưng Yên được tái lập. Tổng diện tích tự nhiên 923 km²; dân số gần 1,2 triệu người. Được chia thành 10 đơn vị hành chính gồm 09 huyện, 01 thành phố với 161 xã, phường, thị trấn (trong đó: Có 145 xã, 7 phường, 9 thị trấn). Trung tâm hành chính của tỉnh là thành phố Hưng Yên nằm cách thủ đô Hà Nội 64 km về phía đông nam, cách thành phố Hải Dương 50 km về phía tây nam. Phía bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía đông giáp tỉnh Hải Dương, phía tây và tây bắc giáp thủ đô Hà Nội, phía nam giáp tỉnh Thái Bình và phía tây nam giáp tỉnh Hà Nam.

Với quyết tâm cao và sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân trong tỉnh. Năm 2012, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực về kinh tế - xã hội.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng 7,71%;
- Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 0,22%;
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 9,01%;
- Giá trị các ngành thương mại dịch vụ tăng 11,5%;
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2012 cơ cấu kinh tế: NN₀, CN, XD-DV đạt: 20,84%- 47,48%- 31,67% (KH 21,5%- 46,5%- 32%);
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 28.000.000đồng;
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.095 triệu USD (KH 850 triệu USD);

- Thu ngân sách trên địa bàn 4.307 tỷ đồng; trong đó: Thu nội địa 3.550 tỷ đồng; thu thuế xuất, nhập khẩu 750 tỷ đồng; thu từ sổ số kiến thiết 7 tỷ đồng;

- Tỷ lệ phát triển dân số duy trì ở mức 0,98%; tỷ lệ hộ nghèo còn 7,2% (năm 2011 là 8,42%) tạo việc làm thường xuyên cho gần 2 vạn lao động và hàng vạn lao động có thêm việc làm thời vụ;

- 81% làng, khu phố được công nhận làng, khu phố văn hoá.

2. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và cấp thôn:

2.1. Tình hình ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân:

***Đối với cán bộ, công chức cấp xã:**

- Ngày 22/10/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Ngày 27/4/2010, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Thông báo số 871/TB-TU quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

- Ngày 13/5/2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 956/QĐ-UBND về việc quy định chức danh, số lượng, một số chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, cụ thể:

+ Xã, phường, thị trấn loại 1: Bố trí 23 người (11 cán bộ, 12 công chức);

+ Xã, phường, thị trấn loại 2: Bố trí 22 người (11 cán bộ, 11 công chức);

+ Xã, phường, thị trấn loại 3: Bố trí 20 người (10 cán bộ, 10 công chức).

*** Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, cấp thôn:**

Căn cứ Nghị quyết số 144/2010/NQ-HĐND ngày 21/9/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, khu phố theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 về việc quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, khu phố như sau:

- Chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

+ Xã, phường, thị trấn loại 1: Bố trí 21 người;

+ Xã, phường, thị trấn loại 2: Bố trí 20 người;

+ Xã, phường, thị trấn loại 3: Bố trí 19 người.

- Chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố:

+ Bí thư chi bộ thôn, khu phố: Loại 1, loại 2, loại 3 bố trí theo chi bộ thực tế của từng thôn, khu phố;

+ Trưởng thôn, khu phố: Loại 1, loại 2, loại 3 mỗi thôn 01 người;

+ Phó thôn, khu phố: Loại 1 có 02 phó thôn, khu phố; loại 2, loại 3 có 01 phó thôn, khu phố;

+ Công an viên (trừ các phường thuộc thành phố Hưng yên): Thôn, khu phố loại 1 bố trí 02 công an viên; thôn, khu phố loại 2 và loại 3 bố trí 01 công an viên;

+ Bảo vệ dân phố thuộc các phường của thành phố Hưng Yên: Mỗi phường bố trí 01 Trưởng ban bảo vệ dân phố, 01 Phó trưởng ban bảo vệ dân phố; mỗi khu phố bố trí 1 Tổ trưởng và 2 Tổ viên tổ bảo vệ dân phố.

- Mức phụ cấp (theo phụ lục số 01 đính kèm):

*** Đối với Trưởng ban công tác Mặt trận, Phó Bí thư chi bộ và Trưởng các đoàn thể ở thôn, khu phố:**

Căn cứ Nghị quyết số 293/2011/NQ-HĐND ngày 9/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 02/2/2012 quy định mức hỗ trợ sinh hoạt phí đối với các chức danh Trưởng ban công tác Mặt trận, Phó Bí thư chi bộ và Trưởng các đoàn thể ở thôn, khu phố và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở thôn, khu phố.

- Mức hỗ trợ (theo phụ lục số 02 đính kèm).

2.2. Đánh giá những kết quả đạt được trong việc triển khai thực hiện các văn bản ở Trung ương:

- Những thành kết quả đạt được:

Việc ban hành các văn bản của Trung ương về chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách của cấp xã, thôn là thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ công chức cơ sở đáp ứng được yêu cầu cơ bản về chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở, đồng thời cũng gắn với trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương.

Đội ngũ cán bộ công chức cấp xã yên tâm công tác, tạo điều kiện phát huy năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tận tụy với công việc, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Khuyến khích, động viên cán bộ công chức cơ sở không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với từng đối tượng, chất lượng đội ngũ cán bộ công chức cơ sở được nâng lên rõ rệt, có chuyển biến tốt về nhận thức và lề lối làm việc.

- Những hạn chế còn tồn tại:

+ Tỷ lệ cán bộ ở một số xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn theo chức danh quy định còn khá cao. Số người được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và sử dụng công nghệ thông tin còn ít. Kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp, khả năng sẵn sàng đáp ứng sự thay đổi nhiệm vụ, môi trường công tác của cán bộ, công chức cấp xã còn hạn chế, không ít cán bộ, công chức cấp xã chưa nắm chắc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao nên giải quyết công việc còn mang tính chủ quan, tùy tiện, xử lý các công việc không đúng pháp luật, vi phạm chính sách của Đảng và Nhà nước.

+ Về số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố, Trung ương quy định không quá 21, 20, 19 người đối với xã loại

1, loại 2, loại 3; đối với thôn không quá 3 người là chưa phù hợp với thực tế ở cơ sở. Hiện tại các ngành Công an, Quân sự tỉnh đang đề nghị bổ trí thêm Phó trưởng công an, Phó Chỉ huy trưởng quân sự xã đối với xã loại 2 và những xã trọng điểm phức tạp về an ninh, quốc phòng trong khi tỉnh đã bổ trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, khu phố tăng hơn so với quy định của Trung ương.

3. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, cấp thôn hiện nay:

3.1. Số lượng, trình độ năng lực của các nhóm đối tượng:

a) Cán bộ, công chức cấp xã:

- Đối với cán bộ: Biên chế giao là 1700 người; hiện có 1671 người (thiếu 29 người). Số cán bộ đạt chuẩn (theo Quyết định số 04/2005/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ và Công văn số 3692-CV/BTCTW ngày 31/10/2012 của Ban Tổ chức Trung ương về xếp ngạch, bậc lương đối với cán bộ cấp xã có trình độ lý luận chính trị) đạt tỷ lệ: 82,45%; trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Đại học: 259 người, đạt 15,5%; cao đẳng: 33 người, đạt 1,97%; trung cấp 704 người, đạt 42,1%; còn lại 675 người chưa có bằng cấp chuyên môn chiếm tỷ lệ 40,4%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 9 người, đạt 0,5%; trung cấp 1377 người, đạt 82,4%.

- Đối với công chức: Biên chế giao là 1704 người; hiện có mặt 1417 người (thiếu 287 người). Số công chức đạt chuẩn theo Quyết định số 04/2005/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ, đạt tỷ lệ 95%; trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 2 người, đạt 0,14%; đại học 230 người, đạt 16,29%; cao đẳng 62 người, đạt 4,4%; trung cấp 1042 người, đạt 73,8%; còn lại 76 người chưa có bằng cấp chuyên môn chiếm tỷ lệ 5%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 2 người, đạt 0,14%; trung cấp 626 người, đạt 44,33%.

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

- Biên chế giao theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh là 3223 người; hiện có mặt 3131; trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 108 người đạt 3,45%; cao đẳng 81 người đạt 2,59%; trung cấp 656 người, đạt 20,95%;

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 3 người, đạt 0,1%; trung cấp 573 người, đạt 18,3%.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố; Trưởng ban công tác Mặt trận, Phó Bí thư chi bộ và Trưởng các đoàn thể ở thôn, khu phố:

- Số có mặt 9721 người; trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 91 người, đạt 0,93%; cao đẳng 89 người, đạt 0,9%; trung cấp 832 người, đạt 8,56%;

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 4 người, đạt 0,04%; trung cấp 368 người, đạt 3,8%.

3.2. Kết quả thực hiện chế độ chính sách:

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND đã giao cho các sở, ngành liên quan gồm: Nội vụ, Tài chính phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh để triển khai thực hiện. Nhận thức được vai trò quan trọng của đội ngũ cán bộ cơ sở, là nơi truyền đạt trực tiếp các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến từng người dân. Các chế độ, chính sách được dần hoàn thiện hơn so với trước tạo sự phấn khởi, yên tâm trong công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Sở Nội vụ, Sở Tài chính đã triển khai thực hiện việc thẩm định và thỏa thuận để Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định xếp lương cho cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên vào ngạch công chức hành chính, tổng số là 753 người (tại thời điểm triển khai thực hiện Nghị định). Những người chưa có bằng cấp chuyên môn được tạo điều kiện tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh theo quy định của ngạch bậc. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, cấp thôn được hưởng mức phụ cấp được quy về hệ số theo mức lương tối thiểu chung của Nhà nước quy định, phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh, đảm bảo tương xứng với nhiệm vụ của từng chức danh và thuận tiện cho việc điều chỉnh phụ cấp hàng tháng khi Nhà nước điều chỉnh hệ số mức lương tối thiểu chung.

Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã triển khai thực hiện và giải quyết tồn đọng về chế độ, chính sách BHXH đối với cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy định.

Qua triển khai các văn bản của Trung ương và của tỉnh, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã yên tâm công tác, tạo điều kiện phát huy năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tận tụy với công việc, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Khuyến khích động viên cán bộ, công chức cơ sở không ngừng học tập rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với từng đối tượng. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở được nâng lên rõ rệt, có chuyển biến tốt về nhận thức và lề lối làm việc đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới.

3.3. Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ cơ sở:

Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, khu phố đã tạo động lực cho cán bộ cơ sở hoạt động có hiệu quả. Nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở có trình độ chuyên môn, hiểu biết về pháp luật đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Nhất là số công chức được tuyển dụng mới trẻ hóa có khả năng ứng dụng tin học trong công việc tốt, do đó công việc thường xuyên được giải quyết nhanh chóng kịp thời, tạo được những bước đi tích cực về chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cán bộ lãnh đạo xã về năng lực quản lý điều hành của chính quyền cơ sở, đáp ứng với yêu cầu xây dựng bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, đây là nguồn cán bộ lòng cốt ở cơ sở sau này.

Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cán bộ có năng lực, trình độ lý luận chính trị còn hạn chế; kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý hành chính nhà nước ở một số nơi còn yếu, chủ yếu làm việc theo kinh nghiệm và thói quen. Năng lực lãnh đạo, điều hành, chỉ đạo quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực của một bộ phận cán bộ còn yếu chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Một số lĩnh vực phát sinh ở cơ sở nhưng không được phát hiện, giải quyết kịp thời gây bức xúc trong nhân dân, dẫn đến tình trạng đơn thư, khiếu nại, tố cáo vượt cấp của công dân. Còn có cán bộ, công chức trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn với chức danh đảm nhiệm, chưa biết sử dụng công nghệ thông tin. Một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tinh thần trách nhiệm với nhân dân, chưa thật sự tâm huyết với công việc, có biểu hiện suy thoái đạo đức lối sống, mất đoàn kết, cơ hội, bè phái cục bộ làm giảm lòng tin của cán bộ, nhân dân. Một số ít cán bộ còn quan liêu hách dịch, thiếu trách nhiệm trước công việc được giao, giải quyết công việc còn tùy tiện, thậm trí còn đùn đẩy, né tránh.

3.4. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân:

- Số lượng công chức cấp xã hiện nay còn thiếu 287 người, chiếm 20% so với biên chế được giao. Nguyên nhân theo Thông tư hướng dẫn số 04/2004/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định về tuổi đời không quá 35 khi tuyển dụng lần đầu, nên những hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian cống hiến lâu năm, có bằng cấp chuyên môn là nguồn để tuyển dụng công chức, do tuổi cao (quá 35 tuổi) không tuyển dụng được. Số học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng chính quy không muốn về xã công tác.

- Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố quy định không quá 19, 20, 21 đối với xã loại 3, 2, 1; đối với thôn, khu phố bố trí không quá 3 người là không phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Chính sách đãi ngộ đối với cán bộ cơ sở còn nhiều bất hợp lý: đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã hưởng mức phụ cấp quy định không quá 1,0 lần so với mức lương tối thiểu chung như hiện nay là quá thấp.

- Một số chức; Phó công an xã, Phó chỉ huy trưởng quân sự, cán bộ văn phòng Đảng ủy không là công chức là chưa phù hợp, chưa động viên cán bộ cơ sở yên tâm công tác.

4. Kiến nghị:

- Đề nghị Trung ương xem xét ngoài 7 chức danh công chức theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ nên quy định thêm 3 chức danh: Phó Trưởng công an xã và Phó Chỉ huy trưởng quân sự xã và cán bộ văn phòng Đảng ủy nên đưa vào chức danh là công chức.

- Đề nghị Trung ương cho phép tăng thêm mỗi xã từ 1 đến 2 công chức dự bị để tạo nguồn thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy (được tuyển dụng thẳng không qua thi tuyển) về công tác tại cấp xã.

- Hiện tại cán bộ, công chức xã và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố có nhiều văn bản của Trung ương cùng quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp nhưng không có sự thống nhất dẫn đến địa phương khó tổ chức thực hiện, cụ thể như:

**Mức phụ cấp các chức danh những người hoạt động
không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố**

STT	Chức danh	Mức phụ cấp (hệ số lương tối thiểu)
1	2	3
I	Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:	
1	Trưởng ban tổ chức Đảng, Chủ nhiệm UBKT do Phó Bí thư hoặc Thường trực Đảng ủy kiêm	0,2
2	Trưởng khối Dân vận (do Bí thư Đảng ủy kiêm)	0,2
3	Phó Chỉ huy quân sự xã do công chức Tư pháp-Hộ tịch kiêm (hưởng lương chức danh công chức)	
4	Trưởng ban Tuyên giáo kiêm thường trực khối Dân vận	1,0
5	Cán bộ văn phòng Đảng ủy	0,85
6	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,6
7	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,6
8	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam; Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam nếu kiêm Trưởng Ban Thanh tra nhân dân được hưởng thêm 20% của mức phụ cấp trên	0,54
9	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Phó Bí thư Đoàn nếu kiêm cán bộ nhà văn hóa được hưởng thêm 20% của mức phụ cấp trên	0,54
10	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,54
11	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,54
12	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,54
13	Cán bộ dân số, kế hoạch hóa Gia đình, trẻ em	0,72
14	Phó trưởng Công an	0,9
15	Trưởng Đài truyền thanh	0,6
16	Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ	0,6
17	Cán bộ chăn nuôi thú y	0,72
18	Phó chủ nhiệm UBKT Đảng ủy chuyên trách	0,9
19	Ủy viên UBKT Đảng ủy	0,3
20	Phó Đài truyền thanh	0,42
21	Nhân viên Đài truyền thanh	0,36
II	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố	
1	Bí thư Chi bộ thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3: - Đối với thôn, khu phố có nhiều chi bộ:	1,0 0,9 0,85 0,8

2	Trưởng thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	1,0 0,9 0,85
3	Phó thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0,8 0,8 0,7
4	Công an viên	0,6
Đối với các phường thuộc thành phố Hưng Yên		
1	Trưởng ban bảo vệ dân phố	0,54
2	Phó trưởng ban bảo vệ dân phố	0,48
3	Tổ trưởng bảo vệ dân phố	0,42
4	Tổ viên bảo vệ dân phố: Trường hợp bảo vệ dân phố giữ nhiều chức danh khác nhau thì phụ cấp sẽ được hưởng theo chức danh cao nhất	0,36

**Mức phụ cấp đối với Trưởng ban công tác Mặt trận,
Phó Bí thư Chi bộ, các Chi hội trưởng ở thôn, khu phố**


Mức phụ cấp đối với Trưởng ban công tác Mặt trận, Phó Bí thư Chi bộ, các Chi hội trưởng ở thôn, khu phố:		
1	Trưởng ban Mặt trận thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0,4 0,35 0,3
2	Phó Bí thư Chi bộ: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0,35 0,3 0,25
3	Chi hội trưởng Nông dân: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0,35 0,3 0,25
4	Chi hội trưởng Phụ nữ: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0,35 0,3 0,25
5	Chi hội trưởng Cựu chiến binh: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0,35 0,3 0,25
6	Bí thư Chi Đoàn TNCSHCM: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	0,35 0,3 0,25

Tại các Nghị định của Chính phủ: Số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 quy định về bảo vệ dân phố; số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn Ngoài ra còn có Thông tư của một số Bộ ngành Trung ương cũng quy định một số chức danh công tác ở cấp xã như Thông tư của Bộ văn hóa thể thao và du lịch, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng...

- Đề nghị Trung ương nên có văn bản quy định thống nhất chung về số lượng, chức danh và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố để các địa phương thực hiện.

- Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố nên quy định được tham gia đóng bảo hiểm xã hội để họ nhiệt tình, yên tâm trong công tác.

(Gửi kèm các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 956/QĐ-UBND; số 22/2010/QĐ-UBND; số 02/2012/QĐ-UBND)

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên báo cáo Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CV: NC, TKCT;
- Lưu:VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Khắc Hòa